

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Ông **Hồ Chí Cường.**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Liên Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03-8-2020, giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Hồ Kim H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Tạm trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 28-4-2020, bản tự khai nguyên đơn chị Hồ Kim H trình bày:**

Vào ngày 01/9/1992, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Cửu Long. Trong thời gian sống chung anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Kim T1, sinh ngày 28/8/1992 đã thành niên và Nguyễn Kim T2, sinh ngày 08/11/2003 đang sống chung với chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Nguyên nhân xin ly hôn:* Vợ chồng sống chung với nhau 20 năm vẫn hạnh phúc, thời gian sau này anh T có ý định quay lại với người yêu cũ, nên thường xuyên kiểm chuyện cự cãi, sống không có trách nhiệm với gia đình, xét thấy vợ chồng không cùng quan điểm sống, có những chuyện nhỏ nhặt không đáng anh T cũng kiểm chuyện gây gổ làm cho gia đình không còn hạnh phúc nên anh, chị đã sống ly thân từ tháng 06 năm 2017 đến nay, thời gian ly thân anh, chị không hàn gắn đoàn tụ được, nay chị yêu cầu được ly hôn.

**Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:**

**Về hôn nhân:** Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

**Về con chung:** Nguyễn Kim T1, sinh ngày 28/8/1992 đã thành niên nên chị H không yêu cầu giải quyết. Còn con chung tên Nguyễn Kim T2, sinh ngày 08/11/2003 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Hồ Kim H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Kim H cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh con (bản sao) 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Hồ Kim H (photo).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Nguyễn Thanh T không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh T được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Những nội dung đương sự thỏa thuận được và không thỏa thuận được: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Thanh T có hộ khẩu thường trú ở huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt

nguyên đơn. Bị đơn anh T trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án anh T đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long, tỉnh Cửu Long theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo đơn khởi kiện chị H trình bày thời gian sau này anh T có ý định quay lại với người yêu cũ, nên thường xuyên kiểm chuyện cự cãi, sống không có trách nhiệm với gia đình nên anh chị không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay không hàn gắn đoàn tụ được nên chị H xin được ly hôn với anh T, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: Nguyễn Kim T1, sinh ngày 28/8/1992 đã thành niên và sống tự lập chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Còn con chung tên Nguyễn Kim T2, sinh ngày 08/11/2003 đang sống chung với chị H, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Hồ Kim H khai chị và anh T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do Tòa án không làm việc trực tiếp với anh T để biết ý kiến của anh như thế nào về tài sản chung và anh có tranh chấp về tài sản chung với chị H hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn anh T có tranh chấp về tài sản chung với chị H thì anh T được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với chị Hồ Kim H.

[5] *Về nợ chung*: Chị Hồ Kim H khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Kim H.

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Hồ Kim H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

**2. Về con chung:** Nguyễn Kim T1, sinh ngày 28/8/1992 đã thành niên và sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Kim T2, sinh ngày 08/11/2003 cho chị Hồ Kim H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3. Về tài sản chung:** Chị Hồ Kim H khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn anh Nguyễn Thanh T có tranh chấp về tài sản chung thì được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với chị Hồ Kim H.

**4. Về nợ chung:** Chị Hồ Kim H khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

**5. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hồ Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007724, ngày 15-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Hồ Kim H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

**6. Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mỹ Châm**